

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án:
Nhà Đa khoa Kỹ thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp
của Sở Y tế tỉnh Đắk Nông**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của
Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến
lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của
Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị
định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ
sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật
Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi
trường dự án: Nhà Đa khoa Kỹ thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp của
Sở Y tế tỉnh Đắk Nông;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án: Nhà Đa khoa
Kỹ thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm
theo Công văn số 1953/SYT-KHTC ngày 07 tháng 8 năm 2021 của Sở Y tế tỉnh
Đắk Nông;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
233/TTr-STNMT ngày 16 tháng 8 năm 2021.*



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Nhà Đa khoa Kỹ thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp (sau đây gọi là dự án) của Sở Y tế tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại khối 1, thị trấn Kiên Đức, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông với các nội dung chính tại phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này; các nội dung bảo vệ môi trường đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Thường xuyên kiểm tra hiệu suất của các hạng mục công trình xử lý môi trường để chất thải được xử lý đảm bảo theo quy chuẩn hiện hành.

Điều 3. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án, nếu có những thay đổi về quy mô, công suất; thay đổi công nghệ xử lý chất thải có khả năng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Chủ dự án tự xem xét, quyết định, chịu trách nhiệm trước pháp luật và thể hiện trong hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

Điều 4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

* Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Được thành lập theo Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông) chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về nội dung tham mưu tại Quyết định này.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND huyện Đắk R'lấp thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký././

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND;
- Tổng cục Môi trường;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Các Sở: XD, KH&ĐT, TN&MT, KH&CN, YT;
- UBND huyện Đắk R'lấp;
- TTYT huyện Đắk R'lấp;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, TTHCC, KTN(L).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trọng Yên

PHỤ LỤC:
CÁC NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:
NHÀ ĐA KHOA KỸ THUẬT THUỘC TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN ĐẮK R'LẤP

(Kèm theo Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 20/8/2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nhà Đa khoa Kỹ thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp.

- Chủ dự án: Sở Y tế tỉnh Đắk Nông.

- Người đại diện: (Ông) Trần Quang Hào Chức danh: Phó Giám đốc

- Địa chỉ liên hệ: đường Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Địa chỉ nơi thực hiện dự án: khối 1, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

- Vị trí dự án: Dự án nhà Đa khoa Kỹ thuật thuộc Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp là dự án mở rộng, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Đắk R'lấp; tại khối 1, thị trấn Kiến Đức, huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông. Khu đất thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00, diện tích 31.773 m² đã được UBND tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL554415. Diện tích đất trước khi mở rộng là 20.279 m² và diện tích đất sau khi mở rộng là 31.773 m².

- Khu đất dự án có vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc: Giáp đường Lê Hữu Trác.

+ Phía Nam: Giáp đường giao thông vào khu dân cư và đất hộ dân.

+ Phía Đông: Giáp đường Lê Hữu Trác.

+ Phía Tây: Giáp đất hộ dân.

- Tọa độ vị trí các điểm mốc giới hạn khu vực dự án như sau:

Ký hiệu mốc tọa độ	Tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 180°30', múi chiều 3°	
	X (m)	Y (m)
1	391.264,14	1.326.914,54
2	391.266,09	1.326.939,9
3	391.280,19	1.326.959,09
4	391.310,0	1.327.025,60
5	391.372,88	1.327.002,77
6	391.386,37	1.326.996,28

Ký hiệu mốc tọa độ	Toạ độ VN 2000, kinh tuyến trục 180°30', múi chiều 3°	
	X (m)	Y (m)
7	391.455,01	1.326.960,02
8	391.488,27	1.326.941,76
9	391.515,74	1.326.921,77
10	391.530,72	1.326.898,25
11	391.550,28	1.326.862,8
12	391.539,81	1.326.860,88
13	391.475,7	1.326.883,89
14	391.474,9	1.326.860,74
15	391.512,12	1.326.866,17
16	391.379,75	1.326.641,87
17	391.317,53	1.326.836,75
18	391.317,33	1.326.843,26
19	391.307,01	1.326.857,28
20	391.293,38	1.326.864,86
21	391.288,28	1.326.864,00
22	391.286,24	1.326.866,5
23	391.274,06	1.326.902,42

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

a) Quy mô của dự án

Tổng diện tích của dự án là 31.773 m². Trong đó:

- Diện tích xây dựng các hạng mục công trình chính: 5.709,4 m².
- Diện tích các công trình phụ trợ: 12.802 m²;
- Diện tích các công trình xử lý chất thải và trồng cây xanh: 13.261,6 m²;

b) Công suất dự án

- Công suất: 230 giường bệnh.

- Quy hoạch sử dụng đất xây dựng các hạng mục công trình của dự án được trình bày trong bảng sau:

TT	Tên hạng mục	Hiện trạng (m ²)	Mở rộng (m ²)	Sau mở rộng (m ²)	Ghi chú
A	CÁC CÔNG TRÌNH CHÍNH	4.437,4	1.331,4	5.709,4	
1	Nhà khám đa khoa	596	-	596	Giữ nguyên
2	Nhà kỹ thuật nghiệp vụ	376	-	376	Giữ nguyên
3	Nhà điều trị nội trú	1.164	-	1.164	Giữ nguyên

TT	Tên hạng mục	Hiện trạng (m ²)	Mở rộng (m ²)	Sau mở rộng (m ²)	Ghi chú
4	Nhà tiết trùng	276	-	276	Giữ nguyên
5	Nhà dịch vụ tổng hợp	345	-	345	Giữ nguyên
6	Nhà khoa dược và điều trị	738	-	738	Giữ nguyên
7	Nhà tang lễ	73	-	73	Giữ nguyên
8	Nhà thương trực	50	-	50	Giữ nguyên
9	Nhà cầu nổi	527	118	645	Mở rộng, xây mới
10	Nhà cách ly	76	-	76	Giữ nguyên
11	Quầy thuốc tây	157	-	157	Giữ nguyên
12	Nhà khí y tế (di dời)	59,4	59,4	59,4	Di dời và bố trí lại trên diện tích mở rộng
13	Nhà đa khoa kỹ thuật	0	1.154	1.154	Xây dựng mới trên diện tích đất sân, đường nội bộ
B	CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ	13.343	907	12.802	
1	Nhà phát điện dự phòng	22	22	22	Di dời và bố trí lại trên diện tích mở rộng
2	Nhà để xe máy	813	-	813	Giữ nguyên
3	Bể nước ngầm	41	-	41	Giữ nguyên
4	Đài nước	9	-	9	Giữ nguyên
5	Bể nước	18	-	18	Giữ nguyên
6	Nhà bếp tình thương	30	-	30	Giữ nguyên
7	Nhà vệ sinh	72	-	72	Giữ nguyên
8	Đài nước 30m ²	30	-	30	Giữ nguyên
9	Giếng khoan	-	-		Giữ nguyên
10	Trạm biến áp 250KVA	-	-		Giữ nguyên
11	Căn tin	440	-	440	Giữ nguyên
12	Sân bóng mini nhân tạo	705	-	705	Giữ nguyên
13	Sân, đường nội bộ hiện trạng	10.995	0	9.723	Sửa chữa, bố trí lại 01 phần

TT	Tên hạng mục	Hiện trạng (m ²)	Mở rộng (m ²)	Sau mở rộng (m ²)	Ghi chú
14	Sân, đường nội bộ xây dựng mới	0	885	885	249,4 m ² xây dựng trên diện tích đất công trình di dời và 635,6 m ² xây dựng trên diện tích đất mở rộng
15	Nhà để xe ô tô	168	-	0	Di dời và chưa bố trí lại
16	Nhà bảo vệ	0	0	14	
C	CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	2.498,6	10.737	13.261,6	
1	Nhà điều hành khu xử lý nước thải	14	14	28	Đầu tư bổ sung nhà điều hành khu xử lý nước thải công suất 156m ³ /ngày.đêm
2	Bể nước PCCC	100	-	100	Giữ nguyên
3	Khu vực xử lý nước thải	50	100	252	Đầu tư bổ sung hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 156m ³ /ngày.đêm
4	Nhà lưu chứa chất thải (thông thường, nguy hại, tái chế)	30	-	30	Giữ nguyên
6	Nhà xử lý chất thải y tế (hệ thống hấp ướt)	20	-	20	Giữ nguyên
7	Nhà đốt bông băng (Nhà đặt lò đốt chất thải y tế nguy hại)	12	-	12	Sửa chữa
8	Lò đốt chất thải y tế nguy hại	-	-	-	Đầu tư lò đốt chất thải y tế nguy hại mới thay thế cho lò đốt cũ

TT	Tên hạng mục	Hiện trạng (m ²)	Mở rộng (m ²)	Sau mở rộng (m ²)	Ghi chú
9	Cây xanh, hoa viên	2.272,6	10.623	12.819,6	Mở rộng (bao gồm rừng keo tràm)
10	Hệ thống thoát nước mưa	-		-	Cải tạo, sửa chữa, mở rộng
11	Bể cô lập chất thải	-		-	Giữ nguyên
	TỔNG	20.279	12.975,4	31.773	

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

- Trong giai đoạn thi công xây dựng (do việc vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án): Các nguồn tác động liên quan đến chất thải (*chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải nguy hại; nước thải sinh hoạt; nước mưa chảy tràn; nước thải từ hoạt động xây dựng, rửa xe tại công trường; bụi; khí thải;...*); các nguồn tác động không liên quan đến chất thải (*tiếng ồn; độ rung; tác động đến cộng đồng, an ninh trật tự, kinh tế - xã hội địa phương; tác động đến hoạt động khám chữa bệnh trong quá trình thi công; tác động do các rủi ro, sự cố do hoạt động thi công xây dựng của dự án,...*).

- Trong giai đoạn đi vào vận hành: Các nguồn tác động liên quan đến chất thải (*Chất thải rắn sinh hoạt; chất thải y tế nguy hại; chất thải y tế thông thường; nước mưa chảy tràn, nước thải y tế; bụi; khí thải; tiếng ồn; bức xạ...*); các nguồn tác động không liên quan đến chất thải (*tiếng ồn; độ rung; nhiệt thừa; tác động đến kinh tế - xã hội; tác động đến giao thông tại địa phương; rủi ro, sự cố trong quá trình vận hành của dự án,...*).

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

a) Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trong giai đoạn xây dựng dự án được dự báo với khối lượng khoảng 4,69 m³/h. Khi thời tiết có mưa xảy ra thì với mặt đất bị đào đắp, sẽ gây ra một số tác động xấu như làm xói mòn và cuốn trôi đất đá ảnh hưởng đến quá trình thoát nước của dự án, nước mưa chảy tràn cuốn trôi đất đá xuống khe tụ thủy, cản trở quá trình thoát nước mưa của Dự án.

b) Nước thải sinh hoạt

- Quy mô: Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng với lưu lượng phát sinh khoảng 3 m³/ngày.

- Tính chất: Thành phần gồm tổng chất rắn lơ lửng, BOD, COD, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, Coliform, Amoni,...

c) Nước thải từ hoạt động xây dựng, rửa xe tại công trường

- Quy mô: Khoảng $5\text{m}^3/\text{ngày}$.
- Tính chất: Thành phần chủ yếu là đất, cát,...

2.2.2. Giai đoạn vận hành

a) Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn trong giai đoạn vận hành dự án được dự báo với khối lượng khoảng $5,11\text{ m}^3/\text{h}$; chứa các chất rắn lơ lửng, đất cát cuốn theo nước mưa có nguy cơ gây ô nhiễm, ú đọng nước mưa, ảnh hưởng đến môi trường.

b) Nước thải y tế

**Nước thải từ hoạt động khám, chữa bệnh, bao gồm:*

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, bệnh nhân, thăm nuôi và hoạt động của bếp ăn, căng tin.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh như rửa dụng cụ, thiết bị, vệ sinh cá nhân,...

- Nước thải sinh hoạt từ khoa dinh dưỡng, khu hành chính, phòng bệnh, ...

- Nước thải từ khu vực nhà giặt, phòng mổ, phòng tắm em bé,...

- Nước thải rỉ rác phát sinh từ khu vực chứa rác.

Quy mô: Khối lượng phát sinh khoảng $72\text{ m}^3/\text{ngày}$.

Tính chất: Thành phần gồm pH, dầu mỡ, TSS, COD, BOD₅, Tổng P, Tổng N, Coliform,...

** Nước thải từ hệ thống hấp ướt: phát sinh khoảng 192 lít/ngày, chứa các thành phần kim loại từ chất thải, hóa chất dư thừa, ...*

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

2.3.1. Giai đoạn xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng; từ phương tiện ra, vào Trung tâm y tế và từ hoạt động của máy móc thiết bị, quá trình thi công, xây dựng.

- Quy mô: Tác động trực tiếp đến môi trường không khí tại khu vực thi công, xây dựng, khu vực dân cư sống dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Tính chất: Thành phần chủ yếu gồm: bụi, SO₂, NO₂, CO,...

2.3.2. Giai đoạn vận hành

a) Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông

- Quy mô: Đối tượng bị tác động là người tham gia giao thông, cộng đồng dân cư sinh sống dọc hai bên đường vận chuyển trong nội thị, cán bộ, người lao động, bệnh nhân, người thăm khám bên trong dự án.

- Tính chất: Có chứa các chất ô nhiễm như bụi, SO₂, CO, NO_x,...

b) Khí thải từ hệ thống xử lý chất thải, điểm thu gom rác

- Quy mô: Vùng có thể bị ảnh hưởng là khu vực hệ thống xử lý chất thải, điểm lưu giữ, thu gom rác.

- Tính chất: CO_2 , CO , CH_4 , H_2S , NH_3 ,...

c) Khí thải từ hoạt động sử dụng thuốc, hóa chất

- Quy mô: Đối tượng bị tác động là cán bộ y tế khi tiếp xúc thường xuyên.

- Tính chất: Hơi của hóa chất gây mê, mùi của thuốc từ các phòng điều trị khi bơm tráng bơm tiêm, đuổi khí ra khỏi bơm tiêm. Mùi của hóa chất diệt khuẩn các thiết bị y tế, mùi của các dung môi trong phòng xét nghiệm... Các hóa chất đó có thành phần là Halothan, Formaldehyd, Enflurane, Ethylen oxid,..., nồng độ phát sinh của các thành phần nói trên phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng, không gian của khu vực bị ảnh hưởng.

d) Bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng: chứa các chất ô nhiễm, độc hại như: bụi than, SO_2 , NO_x , CO ,...

e) Hoạt động khám chữa bệnh: Các tia bức xạ, khí ozon trong quá trình khám, chữa bệnh. Ảnh hưởng đến sức khỏe nhân viên và bệnh nhân.

f) Khí thải lò đốt chất thải y tế nguy hại

- Quy mô: Khu vực bị ảnh hưởng ước tính sẽ nằm trong phạm vi bán kính 100m từ miệng ống khói lò đốt bao gồm khối nhà Khoa dược và điều trị, nhà điều trị nội trú, nhà tiệt trùng và nhà kỹ thuật nghiệp vụ của Trung tâm Y tế huyện Đắk R'lấp và các hộ dân phía Tây, phía Nam của dự án.

- Tính chất: Thành phần gồm bụi, SO_2 , CO_2 , CO , Hg, Cd, Pb,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

2.4.1. Giai đoạn xây dựng

a) Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng

- Quy mô: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân (30 người) với khối lượng khoảng 15 kg/ngày.

- Tính chất: Thành phần chủ yếu gồm: thức ăn dư thừa, nilon, chai lọ, giấy thải bỏ,...

b) Chất thải rắn thông thường trong quá trình chuẩn bị mặt bằng

- Quy mô: Phát sinh trong quá trình chuẩn bị mặt bằng thi công dự án, khối lượng khoảng 120 tấn.

- Tính chất: Thành phần gồm xà bần, gạch, gỗ, tôn, sắt thép vụn,...

c) Chất thải xây dựng

- Quy mô: Thời gian xây dựng dự báo khoảng 280 ngày, khối lượng chất thải xây dựng phát sinh giai đoạn này khoảng 7-14 kg/ngày.

- Tính chất: Thành phần gồm đất, đá, xi măng, sắt thép vụn, ...

2.4.2. Giai đoạn vận hành

a) Chất thải rắn sinh hoạt

- Quy mô, khối lượng: 359 kg/ngày.

- Tính chất: Chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy và các loại bao bì, giấy, bìa carton, chai lọ đựng thức ăn, đồ uống,...

b) Chất thải rắn thông thường

- Quy mô, khối lượng: 28,52 kg/ngày.

- Tính chất:

+ Chất thải rắn không dính máu phát sinh từ quá trình khám, điều trị và hoạt động hành chính của trung tâm như quày thuốc, khu hành chính, khu khám chữa bệnh thông thường,...

+ Chất thải rắn phát sinh từ các hoạt động khám chữa bệnh như các bao bì, chai lọ thủy tinh, các vật liệu nhựa, các loại bột bó trong gãy xương kín, ... Những chất thải này không dính máu, dịch sinh học và các chất hóa học nguy hại.

+ Xác bã dược liệu từ điều trị theo phương pháp Đông y.

+ Chất thải ngoại cảnh: lá cây và rác từ các khu vực ngoại cảnh.

+ Rác thải có khả năng tái chế như: giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng cactông, túi nilon, túi đựng phim, bao bì, chai lọ, ... (không chứa thành phần độc hại).

2.5. Quy mô, tính chất chất thải nguy hại

2.5.1. Giai đoạn xây dựng

- Quy mô: phát sinh từ quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc trong suốt thời gian thi công xây dựng, bao gồm:

+ Giẻ lau dính dầu, bóng đèn huỳnh quang thải, cặn sơn thải, vỏ thùng sơn thải khoảng: 10 kg trong cả giai đoạn thi công.

+ Nhớt thải: 10 lít trong cả giai đoạn thi công.

- Tính chất: Thành phần chủ yếu gồm: dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu,...

2.5.2. Giai đoạn vận hành

- Quy mô:

+ Chất thải y tế nguy hại (chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm) phát sinh khoảng: 72,92 kg/ngày.đêm.

+ Chất thải nguy hại khác: 10,12 kg/ngày.đêm.

- Tính chất:

+ Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm (bông gòn, bom, kim tiêm đã qua sử dụng dính máu, dịch cơ thể, nước thải từ phòng xét nghiệm,...); chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm (hóa chất khử trùng, hóa chất dùng trong quá trình khám, chữa bệnh, thiết bị y tế bị vỡ, hỏng đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng,...).

+ Chất thải nguy hại khác (xỉ và tro đáy từ lò đốt chất thải, bùn thải của hệ thống xử lý nước thải, bóng đèn huỳnh quang thải bỏ, pin, ắc quy thải bỏ, vỏ chai thuốc, lọ thuốc chứa hóa chất nguy hại,...).

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Giai đoạn xây dựng

a) Nước mưa chảy tràn: nước mưa chảy tràn theo các mương dẫn vào các hố thu và đổ vào cống thoát nước chung của khu vực tại đường Lê Hữu Trác (điểm thoát nước mưa chảy tràn có tọa độ X = 391459, Y = 1326963). Chủ dự án thực hiện các biện pháp sau:

- Cải tạo hệ thống thu gom nước mưa để đáp ứng yêu cầu sử dụng khi dự án nâng cấp

- Thường xuyên khai thông các mương thoát nước mưa trong khu vực tránh tình trạng ứ đọng, ngập úng,...

- Nơi đặt song chắn rác tại các đường mương, rãnh trong khu vực thi công phải tiến hành thu gom dọn rác thường xuyên, tránh gây tắc nghẽn dòng chảy.

- Các khu vực lưu chứa vật liệu xây dựng cần che chắn cẩn thận không để nước mưa cuốn trôi vật liệu.

- Thu gom vật liệu rơi vãi sau mỗi ngày làm việc, không để nước mưa cuốn trôi vào hệ thống thoát nước mưa chung.

- Thực hiện tốt công tác vệ sinh tại khu vực ở của công nhân và khu vực thi công để hạn chế chất thải bị cuốn trôi theo nước mưa.

- Định kỳ 03 tháng/lần tiến hành thu gom, nạo vét hệ thống mương thoát nước tại khu vực dự án.

b) Nước thải sinh hoạt

Quá trình thi công, công nhân dự án sinh hoạt tại các lán trại trong khu vực Trung tâm y tế. Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn hiện có tại Trung tâm y tế huyện Đắk R'lấp. Nước sau xử lý trong bể tự hoại được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện có của Trung tâm y tế.

c) Nước thải từ hoạt động xây dựng, rửa xe tại công trường

Nước thải từ quá trình rửa xe, nước thải xây dựng được thu gom về hố ga lắng tạm thời, tại hố lắng này các loại cát, đất, xi măng lắng lại, phần nước thải sau lắng được chảy về hệ thống thu gom nước mưa trong Trung tâm y tế để thoát ra ngoài dự án trên tuyến đường Lê Hữu Trác. Phần cặn lắng được nạo vét định kỳ và thu gom xử lý như chất thải sinh hoạt.

3.1.2. Giai đoạn vận hành

a) Hệ thống thu gom, thoát nước mưa chảy tràn:

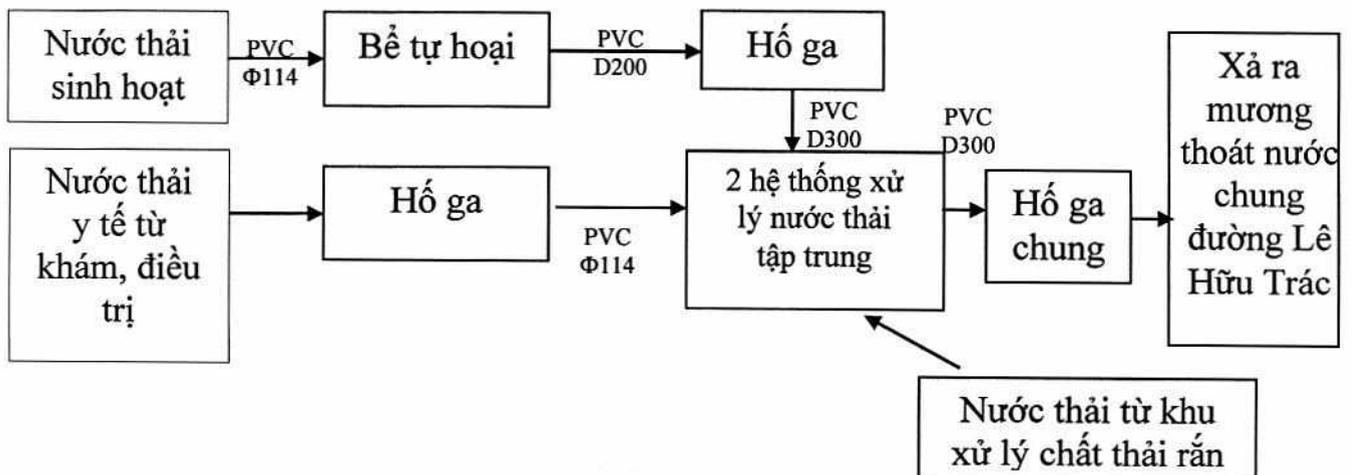
- Nước mưa trên mái được thu gom vào máng thu → ống thu nước mưa → mương bê tông dọc các khu nhà chức năng (bố trí hố gas và song chắn rác) → hệ thống thoát nước mưa chung của Trung tâm → Hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực trên tuyến đường Lê Hữu Trác.

- Nước mưa chảy tràn trên sân bãi → mương bê tông dọc các khu nhà chức năng (bố trí hố gas và song chắn rác) → hệ thống thoát nước mưa chung của Trung tâm → Hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực trên tuyến đường Lê Hữu Trác.

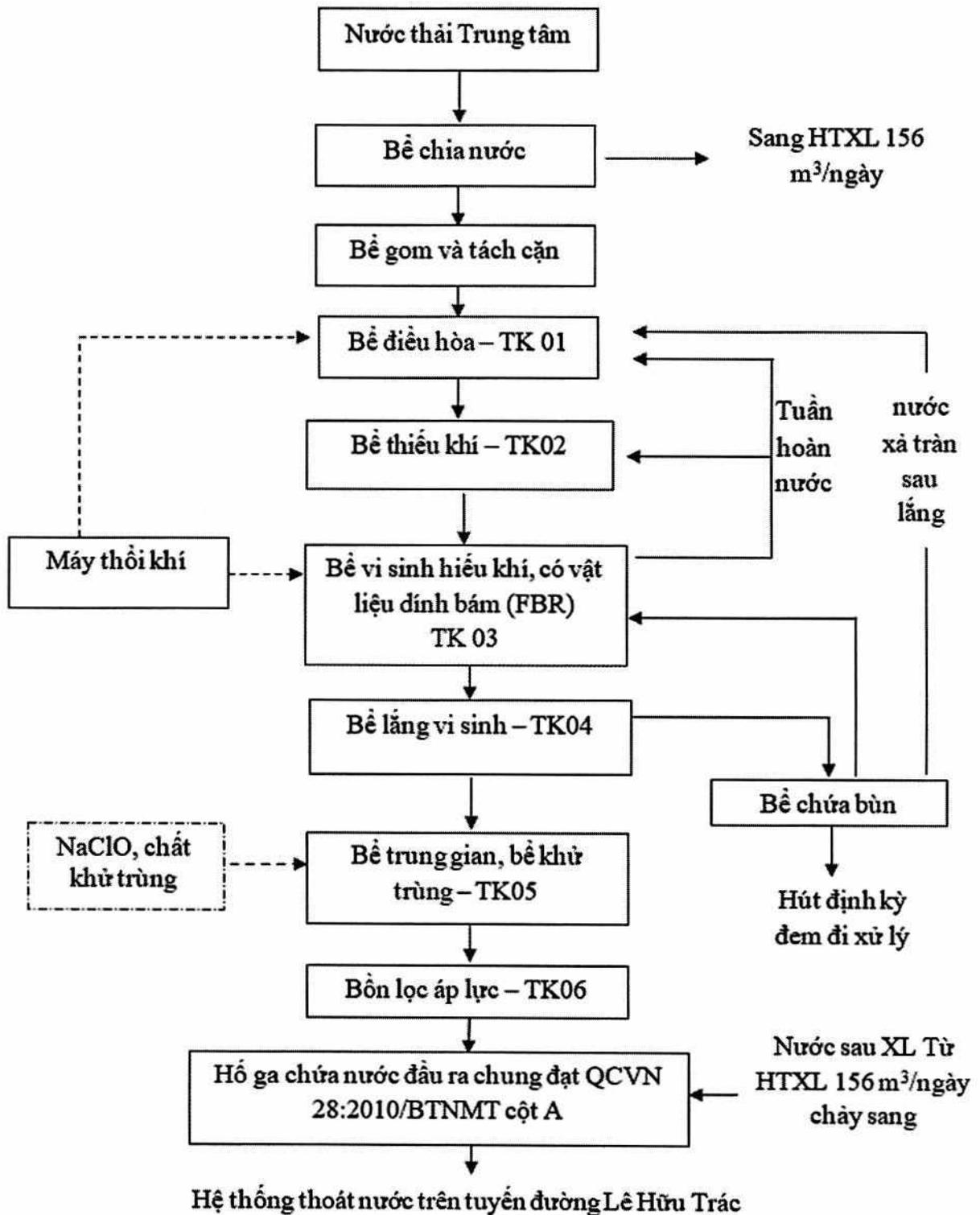
b) Hệ thống thu gom, xử lý nước thải y tế

Tổng lượng nước thải phát sinh đưa về xử lý tập trung là $72 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, tính hệ số dự phòng là $k=1,2$ là $86,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Công suất của hệ thống xử lý hiện tại là $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ vẫn đủ đáp ứng khi dự án đi vào hoạt động. Tuy nhiên, để dự phòng lượng nước thải có thể đạt $230 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ theo tiêu chuẩn cấp nước TCVN 4470:2012. Chủ dự án thực hiện đầu tư thêm 01 hệ thống xử lý công suất $156 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

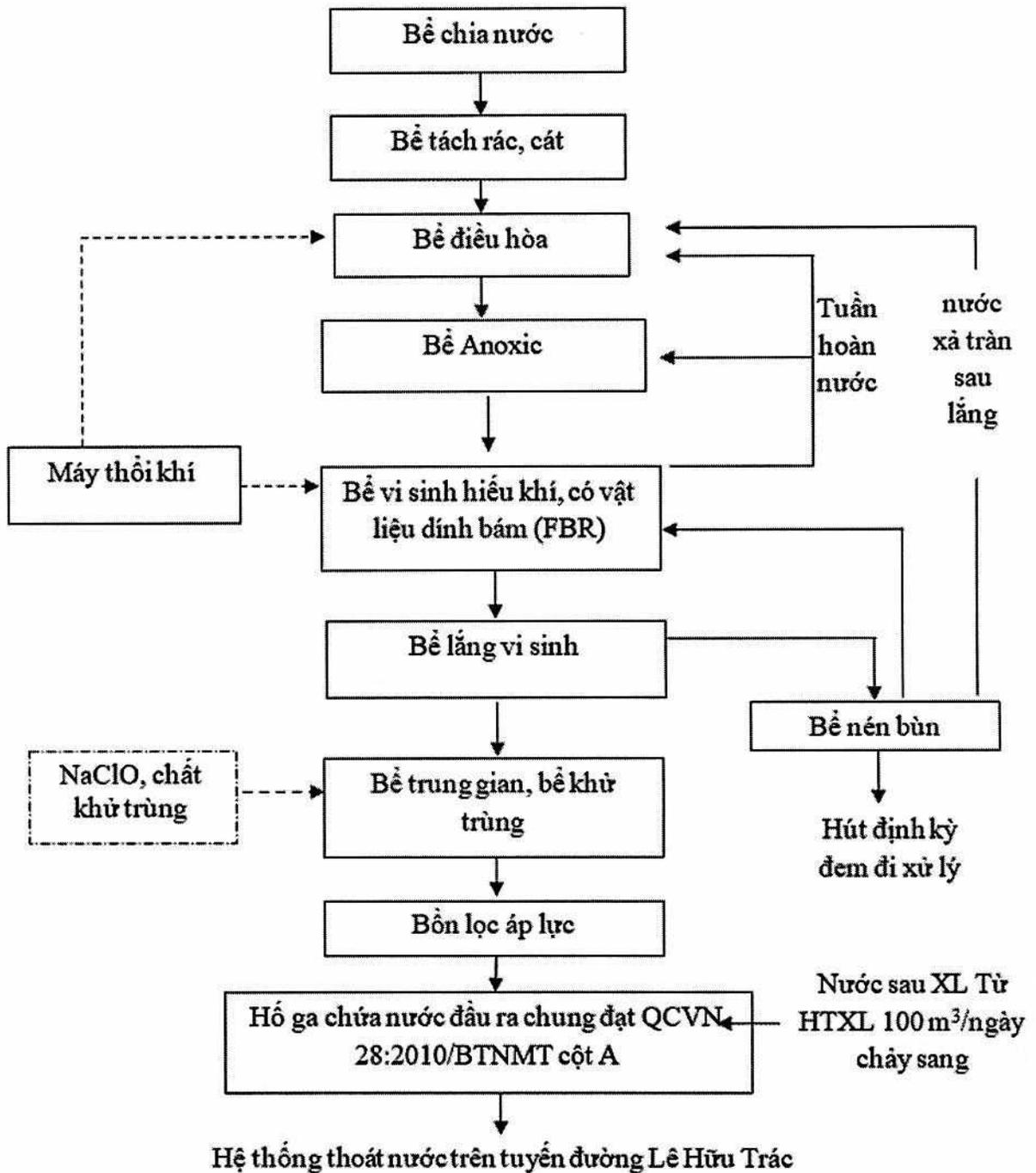
Sơ đồ mạng lưới thu gom nước, xử lý nước thải như sau:



Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 100m³/ngày.đêm như sau:



Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 156 m³/ngày.đêm như sau:



Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột A) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế trước khi vào hệ thống thoát nước chung khu vực trên tuyến đường Lê Hữu Trác.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Điều tiết lượng xe, có kế hoạch vận chuyển phù hợp.
- Xe không được chở quá tải trọng cho phép, không được chở quá khổ cho

phép của xe.

- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh không vượt quá 0,05%.
- Quy định vận tốc tối đa của xe ngoài công trường là 40km/h; trong công trường là 5km/h.
- Dùng bạt che chắn phương tiện vận chuyển đất đá để tránh đất đá rơi vãi trên đường, phát sinh bụi nhiều hơn.
- Máy móc, thiết bị, xe vận chuyển sau khi làm việc phải được rửa sạch sẽ, tránh gây vương vãi bùn đất gây ô nhiễm bụi.
- Cho xe bồn tưới nước các đoạn đường vận chuyển vào những lúc khô nóng để giảm lượng bụi phát sinh. Vào những ngày nắng, tần suất tưới nước tối thiểu 1 ngày 2 lần tại những nơi mật độ dân cư thấp và 3 lần/ngày đối với những nơi mật độ dân cư cao.
- Xe vận chuyển sử dụng phải được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.
- Sử dụng cổng ra vào riêng, không sử dụng chung cổng vào với hoạt động khám chữa bệnh.
- Thực hiện dựng rào tôn cao 2,5m để ngăn cách khu vực xây dựng nhà Đa khoa Kỹ thuật với các khu vực còn lại trong Trung tâm.
- Có biển cảnh báo để nhân viên, người bệnh trong Trung tâm biết được các khu vực dễ phát sinh chất thải, nguy hiểm và cần tránh xa.

3.2.2. Giai đoạn vận hành

a) Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông

- Thường xuyên vệ sinh khu vực sân bãi.
- Xây dựng tường rào xung quanh cơ sở, hạn chế lan bụi, không khí ô nhiễm từ khu vực xung quanh vào dự án. Tránh ảnh hưởng đến tâm lý và sức khỏe của bệnh nhân cũng như công nhân viên làm việc trong Trung tâm y tế.
- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các loại phương tiện giao thông được sử dụng trong Trung tâm y tế.
- Đối với phương tiện giao thông của bệnh nhân và khách, thực hiện phân luồng để bệnh nhân chủ động gửi xe tại khu vực nhà xe ở trước cổng Trung tâm. Hạn chế các phương tiện vào trong sân cạnh các toà nhà chức năng của khu vực.
- Quy định giảm tốc độ xe ra vào dự án.
- Lập các bảng nội quy, hướng dẫn lưu thông rõ ràng trước cổng cơ sở để mọi người thực hiện đúng và việc di chuyển được nhanh chóng.
- Thường xuyên vệ sinh đường giao thông nội bộ và phun nước tạo ẩm đường khi trời nắng nóng.

- Bê tông hóa toàn bộ đường giao thông trong khu vực cơ sở.
 - Trồng, chăm sóc tốt cây xanh xung quanh khuôn viên cơ sở và ven hai bên đường nội bộ để hạn chế bụi, hạn chế tiếng ồn, điều hoà không khí và tạo bóng mát cho mọi người.
 - Phân công các cán bộ thường xuyên theo dõi hoạt động, nhắc nhở người dân trong việc đậu đỗ, lưu thông, phân luồng giao thông nhằm tránh ùn tắc giao thông gây ô nhiễm môi trường.
 - Đối với các phương tiện bốc dỡ và các xe vận chuyển vật tư y tế ra vào dự án quy định tắt máy khi dừng; chờ đúng trọng tải xe, sử dụng nhiên liệu cho phép và đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.
- b) Khí thải từ hệ thống xử lý chất thải, điểm thu gom rác
- *Thực hiện các giải pháp như sau để đảm bảo giảm thiểu tác động từ các khí thải, mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải:*
- Có kế hoạch quản lý chất thải chặt chẽ.
 - Bố trí nhân viên chuyên trách làm nhiệm vụ vệ sinh và thu gom rác thải trong cơ sở.
 - Khu vực lưu trữ chất thải được bố trí ở khu vực riêng, cách xa khu vực làm việc và thuận tiện cho việc vận chuyển.
 - Các bể xử lý nước thải bố trí nắp đậy ngăn chặn phát tán khí thải, mùi hôi. Các bể kỵ khí đều có các ống thoát khí.
 - Thiết kế hệ thống công thoát nước kín, có độ dốc đảm bảo tiêu thoát nước xung quanh các hạng mục công trình.
 - Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, thoát nước thải; tình hình thu gom, lưu trữ chất thải. Tránh tình trạng tồn đọng, tắc nghẽn, rò rỉ đường ống.
 - Có kế hoạch duy tu, bảo dưỡng hệ thống thu gom, thoát nước.
 - Đối với nhà vệ sinh công cộng có thông gió làm mát, sử dụng các chất sát trùng và tẩy rửa để vệ sinh sạch sẽ, hạn chế mùi hôi thối, các khí phân huỷ phát tán.
 - Chu kỳ lấy bùn tại hệ thống xử lý nước thải được tổ chức thường xuyên.
 - Bố trí các thùng rác có nắp đậy tại khu vực công cộng, có nhiều người qua lại. Vị trí, khoảng cách đặt thùng rác phải khoa học, đặt tại các vị trí thông thoáng, dễ nhìn. Điểm tập kết rác được bố trí ở vị trí thông thoáng và ngăn cách với khu vực khám chữa bệnh và khu vực căng tin và được vệ sinh ngay sau khi thu gom rác.
 - Hợp đồng với cơ sở vệ sinh môi trường địa phương thu gom vận chuyển chất thải đi xử lý 01 lần/ngày, tránh việc lưu trữ rác tại nguồn trong thời gian dài.

**Biện pháp xử lý khí thải trong hệ thống hấp ướt rác y tế:*

- Thiết bị hấp ướt được hoàn thiện với buồng kim loại, trang bị có nắp đậy cho khu vực cửa nạp liệu, bao xung quanh thiết bị là đệm hơi.

- Loại bỏ không khí bên trong buồng hấp triệt để nhằm giúp rác có thể tiết xúc với nhiệt dễ dàng hơn.

- Hệ thống có trang bị bộ lọc khí hiện đại tích hợp liền theo máy, đảm bảo khí thoát ra từ hệ thống hấp ướt diệt khuẩn được diệt khuẩn gần như triệt để, không gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe của cán bộ vận hành hệ thống.

c) Khí thải từ hoạt động sử dụng thuốc, hóa chất và phát sinh từ hoạt động khám, chữa bệnh

- Lắp đặt các thiết bị thông gió. Các khoa, phòng khám chữa bệnh được thiết kế thông thoáng để phát tán nhanh chóng các chất gây mùi vào không khí. Đặc biệt là các khu vực đông người như phòng khám, phòng mổ,...

- Sử dụng các loại hóa chất khử trùng theo đúng liều lượng. Tránh làm vệ sinh phòng bệnh vào thời điểm khám bệnh của các bác sĩ, thời điểm tập trung đông người như giờ thăm bệnh nhân, giờ ăn uống.

- Sử dụng các loại hóa chất khử trùng mới, thân thiện với môi trường.

- Các dược phẩm được bảo quản, sử dụng hợp lý.

- Các bệnh phẩm, hóa chất thải ra trong quá trình khám, điều trị bệnh được thu gom trong túi kín. Tập trung rác thải loại này hàng ngày về khu tập trung rác để hạn chế phát sinh mùi, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của các y bác sĩ và bệnh nhân.

- Các phòng xét nghiệm, kho hóa chất, dược phẩm phải có hệ thống thông khí và các tủ hút hơi khí độc đảm bảo tiêu chuẩn quy định.

d) Bụi, khí thải máy phát điện dự phòng

- Bố trí máy phát điện tại xa khu vực khám chữa bệnh và khu vực tập trung đông người.

- Sử dụng các nhiên liệu chạy máy phát điện có hàm lượng lưu huỳnh thấp, để giảm lượng khí thải, khói, bụi ra môi trường ngoài.

- Có hệ thống thông thoáng khí tự nhiên, bố trí quạt gió làm mát máy phát điện.

- Định kỳ phải bảo dưỡng, bảo trì máy phát điện và thay thế các bộ phận bị hư hỏng.

e) Khí thải lò đốt chất thải y tế nguy hại

Đầu tư lò đốt công nghệ tiên tiến, có hệ thống làm sạch khí thải bằng Cyclone (Buồng xử lý khí); tại đây sử dụng kết hợp 2 giai đoạn xử lý, vừa sa lắng lọc bụi và tro bay vừa kết hợp hệ phun hơi nước nhiều tầng (dạng sương)

tích tụ các hạt bụi có kích thước nhỏ đẩy xuống đáy hệ thống Cyclone và được lấy ra qua cửa lấy tro. Kết hợp ống thu hồi khí thải chưa xử lý sạch đưa quay lại buồng xử lý khí để xử lý lại lần nữa cho sạch trước khi đưa ra ngoài.

Thường xuyên kiểm tra, bảo trì đảm bảo thiết bị vận hành tốt, hạn chế khí thải phát sinh.

Thực hiện giám sát chất lượng khí thải định kỳ theo quy định.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

a) Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng

- Bố trí thùng rác dung tích 240 lít tại khu lán trại công nhân và rải rác trên công trường để thu gom rác thải sinh hoạt của công nhân xây dựng.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương đến thu gom và xử lý hàng ngày.

- Lập nội quy tại công trường, góp phần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong mỗi người công nhân lao động.

- Tuyên truyền giáo dục ý thức giữ gìn vệ sinh của công nhân xây dựng, tránh việc vứt rác bừa bãi gây mất vệ sinh và mỹ quan.

b) Chất thải rắn thông thường trong quá trình chuẩn bị mặt bằng và trong quá trình xây dựng

- Chất thải xây dựng được thu gom, phân loại và tập kết tạm thời tại một nơi nhất định trong khu vực dự án.

- Các loại cốt pha bằng gỗ được bán để làm nguyên liệu đốt.

- Xà bần gồm cát, đá, ... có thể tận dụng để san nền.

- Các loại sắt thép vụn hoặc các loại chất thải khác như bao giấy, bao xi măng, đồ nhựa, ... được thu gom tách riêng và bán phế liệu.

- Những chất thải không thể tận dụng hoặc bán phế liệu được thu gom vào thùng rác và vận chuyển đi xử lý cùng rác thải sinh hoạt.

- Định kỳ 1 tháng/lần công nhân tổng vệ sinh xung quanh công trình.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Bố trí nhà lưu chứa chất thải; trong đó có khu vực chứa chất thải thông thường diện tích 10 m²; bố trí đầy đủ thùng chứa cho từng loại chất thải phát sinh.

Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường được quản lý theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của liên Bộ: Y tế, Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế, cụ thể:

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường không phục vụ mục đích tái chế: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu xanh;

- Chất thải phục vụ mục đích tái chế: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu trắng.

- Tần suất thu gom: 1 lần/ngày.

- Bao bì (túi), dụng cụ (thùng, hộp, can), thiết bị lưu chứa Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường được thu gom về nhà lưu chứa chất thải sinh hoạt và chất thải thông thường tạm thời trước khi chuyển cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

Trường hợp chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường lẫn vào chất thải y tế nguy hại thì được quản lý và xử lý như đối với chất thải y tế nguy hại.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

3.4.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Đối với việc sửa chữa, bảo dưỡng duy tu lớn cho phương tiện, thiết bị thi công thì các đơn vị thi công xây dựng hợp đồng với các cơ sở sửa chữa trên địa bàn. Do đó, lượng chất thải nguy hại lớn như dầu thải sẽ không phát sinh trên khu vực công trường.

- Các loại chất thải nguy hại khác: thực hiện lưu giữ tại khu lưu giữ chất thải nguy hại của dự án và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

a) Biện pháp phân loại chất thải y tế nguy hại

Phân loại chất thải y tế:

- Chất thải y tế nguy hại được phân loại để quản lý ngay tại nơi phát sinh và tại thời điểm phát sinh.

- Từng loại chất thải y tế được phân loại riêng vào trong bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT BYT-BTNMT ngày 31/12/2015.

- Khi chất thải lây nhiễm để lẫn với chất thải khác hoặc ngược lại thì hỗn hợp chất thải đó được thu gom, lưu giữ và xử lý như chất thải lây nhiễm.

Vị trí đặt bao bì, dụng cụ phân loại chất thải:

- Mỗi khoa, phòng, bộ phận đều bố trí vị trí để đặt các bao bì, dụng cụ phân loại chất thải y tế.

- Vị trí đặt bao bì, dụng cụ phân loại chất thải y tế phải có hướng dẫn cách phân loại và thu gom chất thải.

b) Biện pháp thu gom chất thải y tế nguy hại

Thu gom chất thải lây nhiễm:

- Chất thải lây nhiễm được thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế.

- Trong quá trình thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín, thùng đựng chất thải có nắp đậy kín, bảo đảm không bị rơi, rò rỉ chất thải trong quá trình thu gom.

- Quy định tuyến đường và thời điểm thu gom chất thải lây nhiễm phù hợp để hạn chế ảnh hưởng đến khu vực chăm sóc người bệnh và khu vực khác trong TTYT.

- Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao được xử lý sơ bộ trước khi thu gom về khu lưu giữ, xử lý chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế.

- Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế ít nhất 01 (một) lần/ngày;

Thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm:

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm được thu gom, lưu giữ riêng tại khu lưu giữ chất thải trong khuôn viên cơ sở y tế.

- Thu gom chất hàn răng Amalgam thải và thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân: Chất thải có chứa thủy ngân được thu gom và lưu giữ riêng trong các hộp bằng nhựa hoặc các vật liệu phù hợp và bảo đảm không bị rò rỉ hay phát tán hơi thủy ngân ra môi trường.

c) Lưu giữ chất thải y tế nguy hại

Trung tâm bố trí công trình nhà lưu chứa chất thải có diện tích 30 m² và được chia làm 03 khu: 01 khu có diện tích 10 m² dùng cho lưu giữ chất thải lây nhiễm trong trường hợp cần thiết do quá tải hệ thống xử lý hoặc do sự cố; 01 khu có diện tích 10 m² dùng cho lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm như thuốc hư hỏng, các thiết bị y tế chứa thủy ngân, các chất thải nguy hại khác,....; 01 khu có diện tích 10m² dành cho việc lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường.

Khu vực nhà lưu chứa chất thải được thiết kế, thi công đảm bảo đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT BYT-BTNMT. Bên trong khu vực chứa chất thải y tế nguy hại lây nhiễm được bố trí: 02 thùng chứa loại 240 lít, 02 thùng loại 120 lít; khu vực chứa chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm được bố trí: 04 thùng loại 120 lít, 10 can nhựa loại 20 lít. Các thùng chứa đều có nắp, có dán nhãn, biểu tượng cảnh báo và màu sắc theo từng loại chất thải theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

Tại khu vực chứa chất thải lây nhiễm, thời gian lưu chứa chất thải không quá 02 ngày trong điều kiện bình thường. Chất thải được thu gom cuối ngày và xử lý vào ngày kế tiếp hoặc kết hợp vừa thu gom vừa xử lý dứt điểm trong ngày.

d) Xử lý chất thải y tế nguy hại

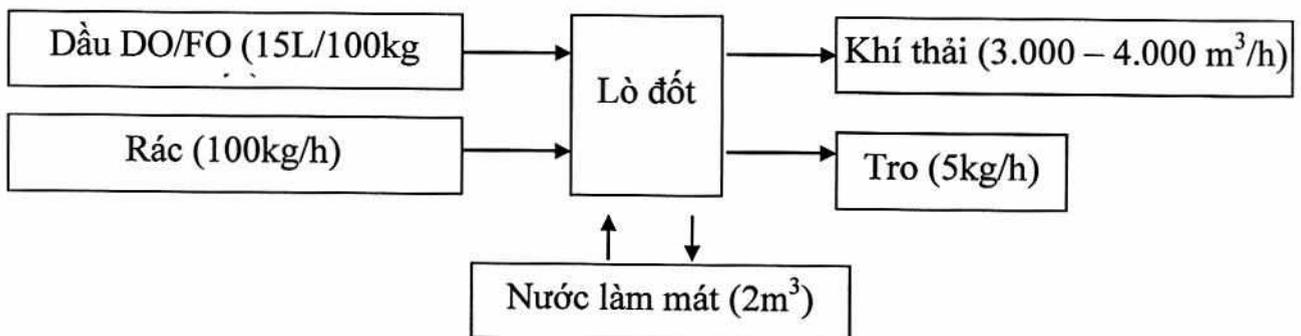
Đối với chất thải lây nhiễm không sắc nhọn, chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao, bệnh phẩm,... được xử lý bằng hệ thống hấp ướt.

Đối với chất thải lây nhiễm sắc nhọn, dây truyền dịch, chai, lọ, bông băng, giẻ lau dính máu,... được xử lý bằng lò đốt.

Đối với những loại chất thải nguy hại khác mà hệ thống lò đốt và hệ thống máy hấp ướt không tiến hành xử lý được (như: hóa chất độc hại, dược phẩm thải bỏ, thiết bị y tế vỡ hỏng, các loại chất thải nguy hại khác) thì được lưu trữ tại khu lưu trữ chất thải nguy hại. Định kỳ báo cáo số lượng cho cơ quan chức năng và hợp đồng với đơn vị bên ngoài có chức năng để thu gom, xử lý các loại chất thải nguy hại này. Đối với trường hợp hư hỏng hệ thống xử lý lò đốt và máy hấp ướt, TTYT thực hiện ký kết hợp đồng xử lý với Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Nông để xử lý chất thải lây nhiễm; đảm bảo không để chất thải tồn lưu không quá 02 ngày tại cơ sở.

**Hệ thống lò đốt:* lò đốt với công suất 50 kg/h.

Các thành phần đầu vào và đầu ra lò đốt trong 1 giờ theo sơ đồ cân bằng như sau:

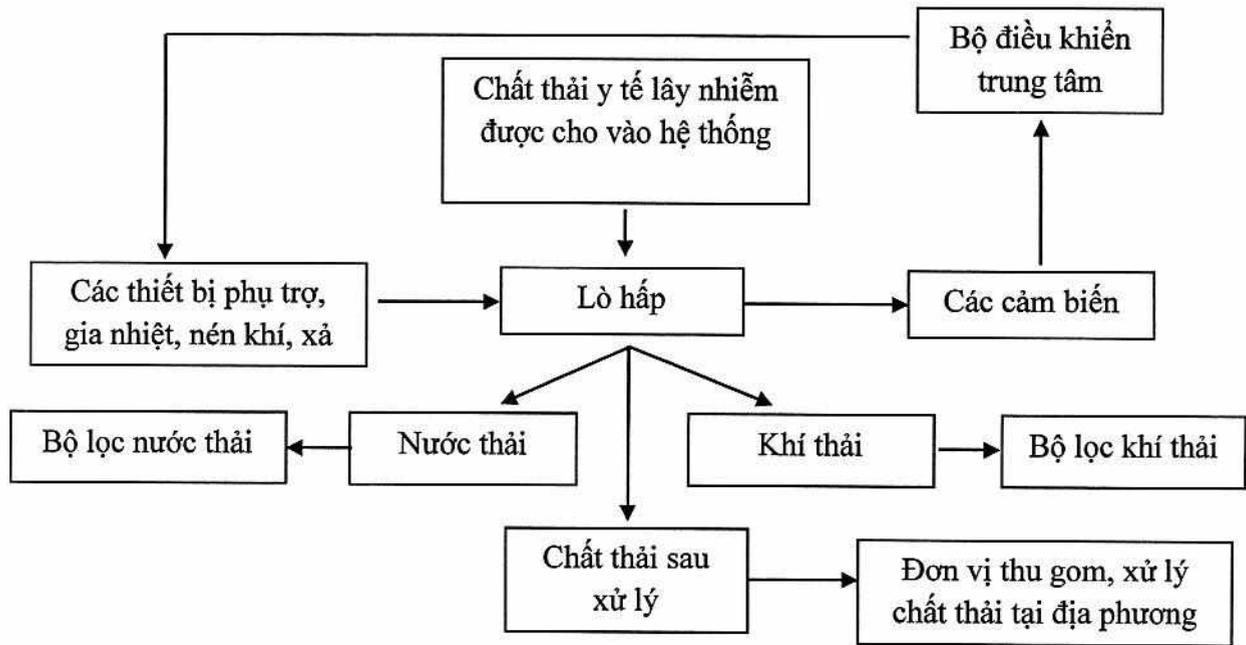


Tro, xỉ phát sinh trong quá trình đốt được thu gom, lưu giữ tại bể cô lập, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

**Hệ thống hấp ướt - model ISS 25L:*

Hệ thống hấp ướt tích hợp nghiền cắt trong cùng khoang xử lý (model ISS 25L) được đầu tư, lắp đặt, vận hành trong năm 2017. Xuất xứ từ Hungary, do hãng Celitron sản xuất, công suất xử lý 40 kg/8h/ngày (có thể tăng công suất bằng biện pháp tăng số lượng mẻ xử lý trong một ngày) tương đương 2-5kg/mẻ xử lý.

Sơ đồ công nghệ xử lý chất thải lây nhiễm bằng hệ thống hấp ướt như sau:



Đối với chất thải sau xử lý bởi hệ thống hấp ướt: sau khi xử lý chất thải y tế lây nhiễm bằng hệ thống hấp ướt đáp ứng được các điều kiện về thiết bị và điều kiện vận hành thì được quản lý như đối với chất thải rắn thông thường.

Đối với chất thải giải phẫu sau xử lý được cắt, nghiền nhỏ trong trường hợp chôn lấp chung với chất thải khác tại bãi chôn lấp chất thải hợp vệ sinh đảm bảo theo QCVN 55:2013/BTNMT.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, nhiệt thừa và ô nhiễm khác

3.5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

a) Tiếng ồn

- Tất cả các phương tiện vận chuyển và máy móc thiết bị phục vụ dự án phải đạt tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường.

- Các máy móc và thiết bị thi công không sử dụng liên tục thì phải tắt ngay sau khi không sử dụng hoặc giảm cường độ hoạt động tới mức tối thiểu có thể.

- Bố trí thời gian thi công phải hợp lý, tránh tình trạng bố trí các phương tiện, máy móc và thiết bị thi công gần nhau hoặc hoạt động trong cùng một lúc, đặc biệt tại các vị trí thi công gần với khu vực khám chữa bệnh.

- Trong trường hợp cần thiết, lắp đặt rào/tường chắn cao hơn 2,5m tại những vị trí cần thiết, đây là một biện pháp khá hiệu quả nhằm ngăn cản sự lan truyền và tác động của tiếng ồn, đặc biệt là che chắn tại khu vực các phương tiện thi công gây ra độ ồn lớn.

b) Độ rung

- Giữ cho các máy ở trạng thái hoàn thiện: siết chặt buloong, đinh vít, tra dầu mỡ thường xuyên.

- Ưu tiên sử dụng các máy móc và thiết bị ít rung. Các máy móc và thiết bị thi công phải bảo dưỡng định kỳ.

- Công nhân vận hành các máy móc có độ rung lớn cần được luân phiên, tránh liên tục làm việc thời gian dài gây ảnh hưởng tới sức khỏe.

- Sắp xếp hoạt động của máy móc khoa học, hạn chế các máy móc có độ rung cao làm việc cùng lúc để giảm bớt tác động.

3.5.2. Giai đoạn vận hành

a) Tiếng ồn, độ rung

- Xây dựng nội quy cho Trung tâm y tế: nội quy dành cho người nhà bệnh nhân và nội quy dành cho nhân viên Trung tâm y tế.

- Kết hợp với chính quyền địa phương nghiêm cấm mọi hình thức tụ tập, buôn bán trước cổng Trung tâm.

- Các phương tiện giao thông phục vụ Trung tâm y tế (xe cấp cứu, xe chuyên chở vật tư y tế, dược phẩm...) luôn đảm bảo đạt các tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm và của ngành y tế trong quá trình lưu thông.

- Các phương tiện vận chuyển vật tư y tế, dược phẩm phục vụ cho Trung tâm y tế chỉ được phép lưu thông trong khuôn viên Trung tâm y tế theo tuyến đường nội bộ quy định và vào các thời điểm (ngày, giờ) quy định trong tuần.

- Xe gắn máy của nhân viên Trung tâm y tế, cũng như người vào thăm nuôi bệnh (trừ trường hợp chở bệnh nhân cấp cứu hay bệnh nặng) không được di chuyển trong khuôn viên Trung tâm y tế.

- Máy móc thiết bị phục vụ giặt tẩy được bố trí đặt tại phòng riêng, cách ly với khu vực khám chữa bệnh.

- Khu vực đặt máy phát điện được xây dựng cách ly với khu khám, điều trị bệnh. Vị trí đặt gần trạm biến áp.

- Trồng cây xanh xung quanh dự án cách ly tiếng ồn và giảm thiểu độ rung tại hệ thống xử lý nước thải.

- Ngoài các biện pháp trên, Trung tâm y tế, đối với máy phát điện, khi bố trí tại khu vực mới được đặt trong phòng xây dựng cách âm gồm 1 lớp tường gạch dày 200mm, đồng thời được bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ.

b) Nhiệt thừa: bố trí diện tích cây xanh trong khu vực dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Tai nạn lao động, tai nạn nghề nghiệp

- Trang bị đầy đủ các phục trang cần thiết về an toàn lao động và hạn chế những tác hại cho nhân viên y tế; giáo dục ý thức nghề nghiệp, an toàn lao động cho nhân viên y tế; kiểm tra sức khỏe định kỳ 03 tháng/lần cho nhân viên y tế.

- Phòng bệnh và phòng làm việc của nhân viên luôn đảm bảo thông thoáng, hệ thống chiếu sáng hoạt động tốt.

3.6.2. Phòng chống cháy nổ

- Lắp đặt đường ống nước chữa cháy, các họng chữa cháy. Bể dự trữ chữa cháy có sức chứa 100m^3 , máy bơm chữa cháy bố trí tại bể chứa nước.

- Trang bị 10 bình chữa cháy loại MFZ8 tại khối nhà đa khoa kỹ thuật;

- Hệ thống chống sét tại khối nhà đa khoa kỹ thuật theo tiêu chuẩn TCVN 9385:2012.

- Các thiết bị điện được tính toán tiết diện dây dẫn hợp lý, an toàn với cường độ dòng điện, có thiết bị bảo vệ quá tải. Nơi có nhiệt độ cao được đi đường dây dẫn ngầm hoặc phải được bảo vệ. Tất cả máy móc đều có dây nối đất đảm bảo điện trở tiếp đất $< 2\Omega$.

- Phối hợp với cơ quan phòng cháy chữa cháy tại địa phương, thực hiện các biện pháp tổ chức phòng cháy chữa cháy, tính toán số lượng thiết bị phòng cháy cần thiết, xây dựng các bảng tiêu lệnh phòng cháy và bảng nội quy bố trí tại các vị trí phù hợp, đúng như thiết kế được phê duyệt.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn, tuyên truyền ý thức phòng cháy chữa cháy tốt cho toàn thể cán bộ nhân viên.

3.6.3. Sự cố trong quá trình sử dụng và lưu trữ hóa chất

- Quy trình lưu chứa và sử dụng hóa chất tuân thủ nghiêm ngặt theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Hóa chất, dược phẩm phục vụ cho hoạt động của Trung tâm y tế được chứa tại các kho chuyên biệt, kho chứa được xây dựng có mái che, nền bê tông và được chống thấm.

- Hóa chất chứa trong bao bì có dán nhãn phân biệt rõ ràng. Thùng, bao bì chứa đảm bảo luôn kín, tuyệt đối không để rơi vãi, chảy tràn trong quá trình sử dụng và lưu chứa.

- Các thùng hoặc bao bì chứa hóa chất trong kho chứa được đặt trên các kệ, đảm bảo bố trí khoảng cách an toàn giữa các loại hóa chất khác nhau, tuyệt đối không để chúng tiếp xúc trực tiếp với nhau.

- Lắp đặt thiết bị báo cháy tự động tại kho chứa đồng thời trang bị đầy đủ các phương tiện phòng và chữa cháy cho kho chứa theo quy định.

- Xây dựng nội quy, biển cảnh báo tại khu vực chứa. Chỉ những người có trách nhiệm mới được ra vào kho chứa.

- Trang bị các dụng cụ sơ cấp cứu (dụng cụ rửa mắt, vòi nước sạch...) tại kho chứa, khu vực làm việc có tiếp xúc với hóa chất.

- Các y bác sĩ, nhân viên y tế được hướng dẫn các biện pháp an toàn khi tiếp xúc với hóa chất.

3.6.4. Giảm thiểu tác động do sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý chất thải

a) Sự cố trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý được thiết kế đảm bảo các yêu cầu an toàn về kỹ thuật; trang bị máy móc, thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải: bơm hóa chất, bơm bùn, bơm nước thải...; công suất thiết kế cho hệ thống xử lý nước thải có tính đến 20% công suất dự phòng; các bể công trình xử lý nước thải đều có nắp đậy kín hạn chế mùi hôi có khả năng phát sinh.

- Thực hiện kiểm tra bảo dưỡng máy móc thiết bị định kỳ 1 tuần/lần và bảo dưỡng toàn hệ thống định kỳ 3 tháng/lần.

- Thực hiện việc giám sát, lấy mẫu nước thải đầu vào và đầu ra để đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống với tần suất tối thiểu 03 tháng/lần.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải đồng loạt không hoạt động như: việc mất điện đồng loạt thì ngay lập tức phải điều chỉnh phương án vận hành tận dụng nguồn điện từ hệ thống máy phát điện dự phòng của Trung tâm để vận hành.

b) Sự cố trong quá trình vận hành hệ thống hấp ứot và hệ thống lò đốt

Dự án bố trí 03 bể cô lập chất thải, diện tích mỗi bể là 2 m³, dùng để dự phòng khi hệ thống hấp ứot và hệ thống lò đốt trục trặc hoặc xử lý chất thải sau cùng chưa đạt. Ngoài ra, thực hiện ký kết hợp đồng thu gom xử lý chất thải với Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông trong trường hợp hệ thống hấp ứot và hệ thống lò đốt bị sự cố trong thời gian dài.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Danh mục các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án được thể hiện trong bảng sau:

STT	Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thực hiện
1	Thu gom và thoát nước mưa chảy tràn	- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa chảy tràn.
2	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung	- Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt sơ bộ (bể tự hoại 2 ngăn, bể tự hoại 3 ngăn). - 01 hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung công suất 100 m ³ /ngày.đêm. - 01 hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung công

		suất 156 m ³ /ngày.đêm.
3	Nhà lưu chứa chất thải	- 01 khu lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường. - 01 khu lưu giữ chất thải lây nhiễm. - 01 khu lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm. - 03 bể cô lập chất thải.
4	Hệ thống xử lý chất thải y tế nguy hại	- 01 hệ thống hấp ướt công suất 40kg/8h/ngày. - 01 hệ thống lò đốt công suất 50 kg/h.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Chương trình quản lý môi trường

- Tổ chức thi công hợp lý hạn chế tối đa các ảnh hưởng đến môi trường.
- Yêu cầu đơn vị tham gia thi công phải có nội quy an toàn lao động, trang bị đủ phương tiện bảo hộ cho công nhân.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm chính và phối hợp với đơn vị thi công giải quyết các vấn đề về môi trường liên quan đến dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án.

- Tổ chức quản lý, giám sát các hoạt động thi công xây dựng của dự án như; hoạt động san lấp mặt bằng, thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án, công tác vận tải,...đảm bảo an toàn môi trường trong suốt thời gian thi công.

5.1.2. Chương trình giám sát môi trường

a) Giám sát chất lượng không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.
- + 01 vị trí tại khu vực cổng ra vào Trung tâm (X = 391565; Y = 1326859)
- + 01 vị trí xây dựng công trình (X = 391416; Y = 1326930)
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Các thông số giám sát: Nhiệt độ; tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn, độ rung.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

b) Đối với chất thải rắn

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi).
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ tạm thời chất thải.
- Nội dung giám sát: Tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: Tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức, cá nhân tiếp nhận chất thải.

- Việc quản lý chất thải thực hiện theo quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

c) Giám sát khác

- Tần suất giám sát: Thường xuyên trong giai đoạn xây dựng dự án.
- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực dự án.
- Nội dung giám sát: Công tác phòng cháy chữa cháy, an toàn điện, an toàn và vệ sinh lao động, nguy cơ sụt lún và các sự cố môi trường có thể xảy ra.
- Tuân thủ theo các quy chuẩn, quy định pháp luật về phòng cháy chữa cháy, an toàn và vệ sinh lao động, an toàn điện và các quy định khác có liên quan.

5.2. Trong giai đoạn hoạt động

5.2.1. Chương trình quản lý môi trường

- Bố trí 02 nhân sự phụ trách có chuyên môn về môi trường, quản lý việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường của Nhà nước cũng như những quy định của tỉnh về công tác bảo vệ môi trường.
- Giám sát nguồn thải và điểm thải của hệ thống xử lý chất thải.
- Lập kế hoạch giám sát môi trường cho khu vực dự án.
- Xây dựng, thiết lập kế hoạch ứng cứu sự cố môi trường.
- Đào tạo về an toàn và môi trường cho nhân viên.
- Theo dõi, lưu trữ kết quả các hoạt động có liên quan đến an toàn môi trường của dự án, thường xuyên xem xét, kiểm tra lại hiệu quả của kế hoạch quản lý môi trường và chỉnh sửa lại kế hoạch khi cần thiết.

5.2.2. Giám sát môi trường

a) Giám sát chất lượng không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 03 vị trí.
- + 01 mẫu không khí xung quanh gần khu vực xử lý chất thải rắn của Trung tâm (X = 391301; Y = 1326945).
- + 01 mẫu không khí xung quanh tại sân giữa 2 khối nhà Đa khoa Kỹ thuật và nhà Kỹ thuật nghiệp vụ (X = 391381; Y = 1326930).

+ 01 mẫu không khí tại khu vực xử lý nước thải tập trung (X = 391454; Y = 1326926).

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Các thông số giám sát: Tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 27:2010/BTNMT.

b) Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 02 vị trí.
- + 01 mẫu nước thải tại vị trí bể chứa nước đầu vào trước khi vào hệ thống xử lý (X = 391454; Y = 1326923).
- + 01 mẫu nước thải tại vị trí hồ ga chứa nước thải sau xử lý chung của dự án (X = 391463; Y = 1326939).

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.
- Các thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅ (20⁰C), COD, TSS, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Phosphat (tính theo P), dầu mỡ ĐTV, Coliform, Salmonella, Shigella, Vibrio cholerae.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT, cột A.

c) Giám sát khí thải

- Vị trí giám sát:
- + 01 mẫu khí thải tại ống khói lò đốt rác y tế (X = 391301; Y = 1326890).
- Thông số giám sát: Lưu lượng, Bụi tổng, CO, SO₂, NO_x (tính theo NO₂), thủy ngân và hợp chất tính theo thủy ngân, cadimi và hợp chất tính theo cadimi, chì và hợp chất tính theo chì, tổng dioxin/furan.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2012/BTNMT, cột B.

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ 01 mẫu khí thải tại hệ thống hấp ướt (X = 291272; Y = 1326933).

Thông số giám sát: Bụi tổng, bụi chứa silic, HCl, Amoniac và các hợp chất amoni, Sb, As, Cd, Pb, CO, Clo, Cu, Zn, HF, H₂S, SO₂, NO₂, hơi HNO₃ (tính theo NO₂), hơi H₂SO₄ hoặc SO₃ (tính theo SO₃).

Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

d) Giám sát chất thải y tế thông thường và chất thải y tế nguy hại

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (Cập nhật vào Sổ nhật ký theo dõi).
- Vị trí giám sát: Khu vực khám chữa bệnh, khu vực lưu chứa, tập kết, xử lý chất thải y tế thông thường và chất thải y tế nguy hại.

- Nội dung giám sát: tình hình phát sinh, quản lý chất thải y tế thông thường và chất thải y tế nguy hại.

- Thông số giám sát: tổng khối lượng, thành phần chất thải, số lượng; biện pháp thu gom, xử lý hoặc tổ chức/cá nhân tiếp nhận chất thải (theo nội dung, yêu cầu kỹ thuật đã cam kết).

- Việc quản lý chất thải y tế thông thường và chất thải y tế nguy hại được thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của liên Bộ: Y tế, Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải y tế.

- Lập Sổ nhật ký theo dõi và báo cáo định kỳ, đột xuất về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

e) Giám sát khác

- Vị trí giám sát: trong buồng xử lý của hệ thống hấp ướt (X = 391273, Y = 1326933).

- Thông số giám sát: Nhiệt độ buồng hấp; áp suất buồng hấp; thời gian hấp; dùng vi sinh vật chỉ thị nhiệt 1 trong 2 loại sau: *Geobacillus stearothermophilus* hoặc *Bacillus atrophaeus*.

- Tần suất giám sát:

+ Đối với các thông số: Nhiệt độ buồng hấp; áp suất buồng hấp; thời gian hấp, thực hiện 01 lần/1 tuần.

+ Đối với các thông số: vi sinh vật chỉ thị nhiệt 1 trong 2 loại: *Geobacillus stearothermophilus* hoặc *Bacillus atrophaeus*, thực hiện 02 lần/1 tháng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 55:2013/BTNMT.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Thông tin cho chính quyền địa phương; các cơ quan tổ chức có liên quan và người dân khu vực xung quanh dự án biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng.

- Tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đất đai, tài nguyên nước. Chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Nhà nước theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thiết kế chi tiết các hạng mục công trình xử lý môi trường, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và xây lắp các công trình này đúng theo quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng; xây dựng hoàn chỉnh các công trình xử lý chất thải của Dự án và báo cáo kết quả đến cơ quan phê duyệt trước khi vào vận hành chính thức. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom và xử lý nước thải.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong các giai đoạn triển khai dự án; phải thu gom, quản lý, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành trước khi thải ra môi trường. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT (cột A). Khí thải của lò đốt đạt QCVN 02:2012/BTNMT (cột B). Khí thải của hệ thống hấp ướt đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B), QCVN 55:2013/BTNMT.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án.

- Xây dựng kế hoạch, lắp đặt thiết bị, phương tiện ứng phó sự cố môi trường, bảo đảm phòng ngừa và ứng phó kịp thời với các sự cố môi trường có thể xảy ra và báo cáo ngay với cơ quan chức năng của địa phương theo quy định.

- Thực hiện công tác quản lý chất thải y tế theo quy định của các cơ quan có thẩm quyền, đặc biệt là công tác quản lý chất thải y tế trong phòng, chống dịch bệnh.

- Đảm bảo đủ kinh phí và thực hiện nghiêm chương trình giám sát môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra./.
